

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **01/2023/HSST**
Ngày : 06/01/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Cao Gia**.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Pháp và ông Lương Tấn Nghi

- **Thư ký phiên Tòa:** Ông Trần Nhật Trường.

- **Đại diện VKSND huyện Tây Hòa tham gia phiên tòa:** Ông **Hà Trọng H**,
Kiểm sát viên.

Ngày 06/01/2023 tại Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2022/TLST-HS ngày 15/12/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 34/2022/QĐXXST-HS ngày 23/12/2022 đối với bị cáo:

Trần Anh T; sinh năm: 1989; nơi sinh và cư trú: **Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên**; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Vĩnh L** (chết) và bà **Lưu Thị Mỹ Á**, sinh năm 1950; vợ **Phan Thị Minh N**, sinh năm 1993; có 02 con, con lớn sinh năm 2013 và con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/9/2022 đến nay. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

2. *Người bị hại:*

- **Phan Thị Mỹ N1**, sinh năm 1993; có mặt tại điểm cầu chính.

- **Văn Thị Thu H1**, sinh năm 1973; có mặt tại điểm cầu chính.

- **Phan Đăng N2**, sinh năm 1971; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng trú tại: **Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên**.

3. *Người làm chứng:*

- **Phan Trường S**, sinh năm 1997; có đơn xin xử vắng mặt.

- **Phan Thị Ái D**, sinh năm 1979; vắng mặt.

- **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1976; vắng mặt.

Cùng trú tại: **Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên**.

- **Trần Phan Hoàng T1**, sinh năm 2013; trú tại: **Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên**. Vắng mặt.

- Huỳnh Phúc Đ, sinh năm 1982; trú tại: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.
- Lê Thị Hoàng T2, sinh năm 1992; trú tại: Khu phố M, thị trấn P, huyện T, Phú Yên. Vắng mặt.
- Võ H2, trú tại: Thôn P, xã H, huyện T, Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Anh T kết hôn với Phan Thị Mỹ N1 năm 2011, có hai con chung Trần Phan Hoàng T1 và Trần Phan Tuấn K1. Vợ chồng vào thành phố D, tỉnh Bình Dương sinh sống làm ăn. Quá trình chung sống giữa T và N1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hòa giải được. Ngày 29/6/2022, N1 đưa bé T1 và K1 về nhà ở thôn M, xã H, huyện T sống (nhà này do vợ chồng T xây dựng và để cho mẹ T ở), còn T ở lại tỉnh Bình Dương. Ngày 05/8/2022, Nguyệt đưa bé T1 và K1 về ở nhà bố mẹ là Phan Đăng N2 và Văn Thị Thu H1 ở thôn M, xã H, huyện T sinh sống. Trong thời gian này, T nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin đề nghị N1 đưa bé T1 và K1 về nhà mẹ để T chơi, N1 không đồng ý nên T thường xuyên gọi điện, nhắn tin đe dọa sẽ giết N1 và gia đình N1 nếu ngăn cản không cho T gặp T1, K1 và đón T1 và K1 về nhà T. Giữa tháng 8/2022, thông qua mạng xã hội Y, T đặt mua trái phép 01 khẩu súng (kiểu dáng súng Rulo) và 50 viên đạn cao su. Sau khi mua súng và đạn, T bắn thử 08 viên, còn lại 42 viên đạn.

Ngày 05/9/2022, T chụp ảnh T cầm súng dạng Rulo và số đạn nói trên gửi tin nhắn qua Zalo cho N1 kèm theo nội dung: “*trí mất rồi, con là niềm tin cho anh sống, anh chụp thế là em biết rồi chứ*”, nhằm thông báo cho N1 biết T đã có súng, nếu N1 và gia đình ngăn cản T đón con thì sẽ bị giết chết. N1 đã đưa tin nhắn cho ông N2, bà H1 xem để đề phòng T.

Ngày 06/9/2022, T nhắn tin cho N1 biết T về Phú Yên và sẽ đón bé T1 và K1 về nhà T chơi vài ngày rồi T vào Bình Dương, N1 đồng ý vì sợ không dám ngăn cản việc T đón con. Sáng ngày 07/9/2022 T về Phú Yên, T đến nhà ông Võ H2 mượn xe mô tô biển số 78F1-467.74 để làm phương tiện đi lại. T điều khiển xe đến trường học của bé K1, đón K1 về nhà T. Tối cùng ngày, ông N2 biết tin T đón bé K1 về nhà T nên gọi qua mạng xã hội Facebook bằng Video cho T, trách T chở bé K1 về nhà mà không nói cho ông và bà H1 biết, lúc này T cầm khẩu súng kiểu dáng Rulo bắn đạn cao su đưa lên cho ông N2 thấy và nói với ông N2 con mới mua súng nhằm đe dọa ông N2.

Từ chiều ngày 07/9/2022 đến sáng ngày 08/9/2022, T sử dụng Zalo tên “Hoàng Tử” liên tục nhắn tin qua Zalo tên “Mẹ, T3, T4” của N1, gửi cho N1 01 đoạn Video dài 30 giây quay cảnh T cho K1 cầm khẩu súng và lắp đạn vào súng kèm theo nhiều tin nhắn có nội dung chửi, đe dọa sẽ bắn, giết N1 và cha, mẹ N1 nếu không cho T gặp và đón bé T1 về nhà T. Nội dung đoạn video và các tin nhắn T đe dọa N1, N1 đều cho bà H1 xem để đề phòng T. Khoảng 16h00 ngày 08/9/2022, T nhắn tin cho N1 nói sẽ đến nhà bà H1 đón bé T1 về, lúc này N1 không có ở nhà,

lo sợ **T** lên nhà giết bà **H1** nên **N1** gọi điện cho bà **H1** nói **T** sẽ lên đón bé **T1** và bảo bà **H1** để cho **T** đón đi, đừng ngăn cản. Do chỉ có bà **H1** và bé **T1** ở nhà còn ông **N2** đã đi làm. Biết **T** có súng và đã nhiều lần đe dọa bắn, giết cả nhà, sợ **T** gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bà **H1** và bé **T1** nên bà **H1** nhờ một số người quen đến nhà bà **H1**.

Khoảng 17h00 ngày 08/9/2022, sau khi đi nhậu xong, **T** điều khiển xe mô tô biển số 78F1-467.74, trong cốp xe có khẩu súng dạng Rulo và 42 viên đạn cao su (trong đó có 06 viên đã lắp vào băng đạn và 36 viên trong hộp giấy) đến nhà ông **N2**, bà **H1** để đón **T1**. Khi đến nơi, **T** gặp bà **H1**, bà **D**, bà **K** và bé **T1** đang chơi tại khu vực cổng nhà bà **H1**. **T** bảo **T1** đi cùng **T** về nhà **T**, nhưng **T1** khóc không chịu đi cùng. Bà **H1** sợ **T** nên không dám phản kháng gì mà đi vào nhà lấy quần áo cho **T1** và khuyên bảo **T1** đi với **T**. Sau đó, **T** còn có hành vi chỉ súng vào **S** và nói “không đi tao bắn giờ” sau khi rủ **S** đi chơi không thành, nhằm mục đích để đe dọa bà **H1**. Sau đó bà **H1** chạy vào nhà đóng cửa trốn, vì **T** để quên chìa khóa xe trong cốp xe nên không khởi động xe được, **T** để xe mô tô cùng khẩu súng và 42 viên đạn cao su lại trước cửa nhà bà **H1** rồi đi đến nhà **S** mượn xe mô tô của **S** chở **T1** đi về nhà. Sau khi **T** bỏ đi, bà **H1** báo cáo Công an xã **H** đến giải quyết.

Giám định số 346 ngày 20/9/2022 của Phòng K2 Công an tỉnh **P** kết luận: Khẩu súng ngắn màu bạc (dạng súng **R**), ký hiệu “WG”, số súng “21TH7970” là súng có tính năng, tác dụng tương tự như công cụ hỗ trợ, không phải vũ khí quân dụng và 42 viên đạn có cùng ký hiệu “YAS GLD 9mm PAK” là đạn cao su, không phải vũ khí quân dụng.

Vật chứng vụ án, các đồ vật tạm giữ và biện pháp xử lý:

- + 01 khẩu súng ngắn màu bạc (dạng súng **R**), ký hiệu “WG”, số súng “21TH7970” và 32 viên đạn có cùng ký hiệu “YAS GLD 9mm PAK”.
- + 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 12 PROMAX vỏ màu vàng.
- + 01 xe mô tô biển số 78F1-467.74 (đã trả lại cho chủ sở hữu).
- Về dân sự: Ông **Phan Đăng N2**, bà **Văn Thị Thu H1** và chị **Phan Thị Mỹ N1** không yêu cầu bồi thường gì.

Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 13/12/2022 của VKSND huyện Tây Hòa truy tố bị cáo **Trần Anh T** về tội “Đe dọa giết người” theo điểm a khoản 2 Điều 133 BLHS.

Tại phiên tòa:

Gia đình bị cáo **T** cung cấp phiếu thu đã tự nguyện nộp thay cho bị cáo **T** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa 10.000.000đ về khoản: Bồi thường tổn thất tinh thần cho cả 03 bị hại.

Kiểm sát viên: Giữ nguyên cáo trạng. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, 54; điểm a khoản 2 Điều 133 BLHS; tuyên bố bị cáo **Trần Anh T** phạm tội “Đe dọa giết người”; xử phạt bị cáo **T** từ 12 đến 15 tháng tù, tính từ ngày tạm giữ 09/9/2022. Dân sự: Ghi nhận ý chí tự nguyện của bị cáo bồi thường thiệt hại cho cả 03 bị hại với tổng số tiền nêu trên. Vật chứng: Giao Công an huyện

T khẩu súng và 32 viên đạn để xử lý theo thẩm quyền, tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động là vật chứng vụ án.

Bị hại **N1** và **H1** không tranh luận gì với Kiểm sát viên; không yêu cầu dân sự và xin cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn mức đề nghị của Kiểm sát viên.

Bị cáo không tranh luận gì. Bị cáo biết hành vi của mình là sai, xin HĐXX xử bị cáo mức án nhẹ nhất để sớm về với gia đình làm ăn nuôi vợ, con; xin lỗi vợ và gia đình vợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử trong vụ án được thực hiện đúng theo quy định của BLTTHS. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của những cơ quan, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, Biên bản thực nghiệm điều tra, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng và quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên từ ngày 05/8/2022 đến 08/9/2022, bị cáo **Trần Anh T** đã có hành vi nhiều lần nhắn tin, gọi điện thoại và chuẩn bị 01 khẩu súng ngắn (dạng súng Rulo) để đe dọa giết các bị hại là vợ **Phan Thị Mỹ N1**, mẹ vợ **Văn Thị Thu H1** và cha vợ **Phan Đăng N2**, làm cho các bị hại lo sợ việc đe dọa được thực hiện sẽ gây ra hậu quả thiệt hại về tính mạng đối với cả 03 bị hại; gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong cuộc sống, bị hại **H1** không dám ngăn cản, kháng cự mà phải bỏ trốn ra sau nhà, 02 bị hại **N1** và **N2** không dám về nhà khi bị cáo mang súng đến nhà các bị hại. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đe dọa giết người” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 133 BLHS theo như Cáo trạng của Đại diện VKSND huyện Tây Hòa là đúng người, đúng tội, đúng quy định.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền được sống, quyền được bảo vệ tính mạng của những người khác mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương; thể hiện tính xem thường pháp luật, do đó cần thiết phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mặc dù các bị hại không yêu cầu bồi thường dân sự nhưng bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện nộp khắc phục hậu quả cho cả 03 bị hại 10.000.000đ và được phía bị hại tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có người nhà có công với Nhà nước, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và có thể áp dụng Điều 54 để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục tốt.

[5] Dân sự: Các bị hại không yêu cầu bồi thường. Tuy nhiên, bị cáo tích cực tác động gia đình tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa 10.000.000đ để bồi thường cho các bị hại là có lợi cho phía bị hại nên ghi nhận

[6] Vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS;

+ 01 khẩu súng ngắn màu bạc (dạng súng R), ký hiệu “WG”, số súng “21TH7970” và 32 viên đạn có cùng ký hiệu “YAS GLD 9mm PAK” là công cụ hỗ trợ còn sử dụng được, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên để giao cho Công an huyện T xử lý theo quy định.

+ 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 12 PROMAX, là vật chứng vụ án; hiện đã trích sao các dữ liệu liên quan đến vụ án lưu giữ tại hồ sơ. Mặc khác, điện thoại này có liên quan đến hoạt động làm ăn thực tế của bị cáo nên tuyên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô biển số 78F1-467.74, đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định; tại tòa không ai ý kiến gì nên không xét.

[7] Án phí: Buộc bị cáo phải chịu tiền án phí HSST theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Anh T phạm tội “Đe dọa giết người”.

1. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 133; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, 54 BLHS;

Xử phạt: Bị cáo Trần Anh T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2022.

2. Dân sự: Giao cho bị hại Phan Thị Mỹ N1 4.000.000đ và 02 bị hại Văn Thị Thu H1, Phan Đăng N2, mỗi bị hại 3.000.000đ trong số tiền 10.000.000đ bị cáo tự nguyện nộp bồi thường theo phiếu thu số 0001203 ngày 19/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa về khoản: Bồi thường thiệt hại do tổn thất tinh thần.

3. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS;

Giao cho Công an huyện T 01 khẩu súng ngắn và 32 viên đạn để xử lý theo quy định;

Tuyên trả lại cho bị cáo Trần Anh T 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 12 PROMAX vỏ màu vàng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/12/2022 giữa Công an huyện với Chi cục Thi hành án huyện Tây Hòa).

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Anh T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm;

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- CA huyện Tây Hòa;
- Bị cáo, các bị hại;
- THADS H, Tây Hòa;
- Ấn văn;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Cao Gia

